

Số: **418** /ĐA-ĐHV

Nghệ An, ngày **14** tháng 4 năm 2021

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Điện thoại: (0238) 3855452 Fax: (0238) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Đào tạo khóa 1: 1959

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

Mục tiêu tổng quát: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

Giá trị cốt lõi:

Trung thực (*Honesty*)
Trách nhiệm (*Accountability*)
Say mê (*Passion*)
Sáng tạo (*Creativity*)
Hợp tác (*Collaboration*)
Triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo

2. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo các ngành của trường hiện nay là 21.414 người học, trong đó: Đại học chính quy: 13.784; TS: 98; ThS: 2.155; Đại học vừa làm vừa học và từ xa: 5.377 (*Chi tiết ở phụ lục 1*).

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	
		Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển
1	Năm tuyển sinh 2019	X	x
2	Năm tuyển sinh 2020	X	X

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Năm học 2019, điểm trúng tuyển vào trường Đại học Vinh cao nhất là 26.5. Năm 2020, điểm trúng tuyển cao nhất là 28.0, phổ điểm tập trung nhiều nhất trong khoảng 15 - 18 điểm. Một số ngành có điểm trúng tuyển cao như: Giáo dục Mầm non; Giáo dục Thể chất, Giáo dục tiểu học, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ Văn (*Chi tiết ở phụ lục 2*).

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 44.12 ha
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 140.212 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 3.784

1.2. Phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị

Trường Đại học Vinh được tự hào là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất vào top đầu của cả nước. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập. Nhà trường trang bị 04 không gian học tập với hơn 1000 máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học. Hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại, quy hoạch theo nhóm ngành đào tạo đảm bảo đủ không gian học tập theo tiếp cận CDIO, ngày càng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, ngoài các phòng thí nghiệm phục vụ học tập, Nhà trường được đầu tư 05 phòng thí nghiệm chuyên sâu cho các ngành thuộc nhóm kỹ sư và khoa học sự sống (*Chi tiết ở phụ lục 3*).

1.3. Phòng học

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học, phòng đa năng, phòng làm việc của GS, PGS:	316	33.310
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	8.008
	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	4.032
	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	85	7.140
	Số phòng học dưới 50 chỗ	155	8.680
	Số phòng học đa phương tiện	16	3.800
	Phòng làm việc của GS, PGS	14	1.650
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	6.737
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	3	69.400

1.4. Học liệu trong thư viện

Thư viện của Nhà trường mang tên GS Nguyễn Thúc Hào - Hiệu trưởng đầu tiên của Nhà trường. Thư viện được trang bị hiện đại, hệ thống học liệu điện tử thường xuyên được cập nhật phục vụ đầy đủ nhu cầu của người học. Hiện tại, thư viện có trên 200 nghìn đầu sách, tạp chí, luận văn, luận án. Để phục vụ nhu cầu hội nhập Quốc tế của giảng viên, người học, thư viện của Nhà trường đã kết nối với các cơ sở dữ liệu

quốc tế như: IG Publishing, ProQuest, Oxford, Academic Business Collection (Chi tiết ở phụ lục 4).

1.5. Danh sách giảng viên cơ hữu

Hiện tại, Trường có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 798 cán bộ giảng dạy), 51 giảng viên cao cấp, 3 GS, 47 PGS, 314 TS, 416 ThS. (Chi tiết được trình bày ở phụ lục 5). Bảng số liệu 1

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/TSKH	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành I	2	24	84	82		
Khối ngành II						
Khối ngành III		7	66	42	2	
Khối ngành IV		1	6	2		
Khối ngành V	1	5	64	90	1	
Khối ngành VI			8	5	2	
Khối ngành VII		8	56	33		
GV môn chung	0	3	31	162	12	
Tổng số giảng viên toàn trường	3	48	314	416	17	

1.6. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường (Chi tiết được trình bày ở phụ lục 6). Bảng số liệu 2

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/TSKH	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành I						
Khối ngành II						
Khối ngành III	5	18	27	1		
Khối ngành IV		4	2			
Khối ngành V	1	8	3			
Khối ngành VI		2	2			
Khối ngành VII	3	1	3	1		
Tổng số giảng viên thỉnh giảng	9	33	37	2		

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và các thí sinh là người nước ngoài.

1.3. Phương thức tuyển sinh

1.3.1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và kết quả thi THPT năm 2020 về trước.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thực hiện theo hướng dẫn của trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

1.3.2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT (Không sử dụng phương thức này đối với các ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm tiếng Anh, GD Mầm non, GD Tiểu học, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Giáo dục Chính trị).

- Điểm xét tuyển là điểm tổng kết năm lớp 12 của các môn học trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy chế hiện hành.

- Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành xét tuyển.

- Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

$$\text{ĐXT} = [\text{ĐCN Môn 1} + \text{ĐCN Môn 2} + \text{ĐCN Môn 3}] + \text{ĐUT (nếu có)}$$

$$\text{ĐUT} = [\text{ĐUT theo đối tượng} + \text{ĐUT theo khu vực}]$$

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển, ĐCN: Điểm cả năm, ĐUT: Điểm ưu tiên

1.3.3. Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi/môn thi của Kỳ thi THPT năm 2021 và Kỳ thi THPT năm 2020 về trước kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho 2 ngành: Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất.

1.3.4. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho ngành Giáo dục Thể chất.

1.3.5. Tuyển thẳng học sinh thuộc đối tượng quy định tại Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của trường Đại học Vinh (phần III. mục 1.8)

1.3.6. Tuyển thẳng học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với mức điểm IELTS 5.0, TOEFL iBT 50, TOEIC 500, Cambridge PET (hoặc tương đương) với tiêu chí phụ:

+ Khối ngành khoa học tự nhiên điểm tổng kết lớp 12 môn toán đạt từ 7.0 trở lên.

+ Khối ngành khoa học xã hội điểm tổng kết lớp 12 môn ngữ văn đạt từ 7.0 trở lên.

Ghi chú: Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có giá trị 24 tháng kể từ ngày cấp đến ngày xét tuyển.

1.3.7. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2021 của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021: 6.220 chỉ tiêu.

1.4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu		Các tổ hợp môn xét tuyển			
			Xét KQ thi THPT	Phương thức khác				
1.	Giáo dục Chính trị	7140205	20		C00	D01	C19	C20
2.	Giáo dục Mầm non	7140201	250		M00	M01	M10	M13
3.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	21	12	C00	D01	A00	C19
4.	Giáo dục Thể chất	7140206	30	25	T00	T01	T02	T05
5.	Giáo dục Tiểu học	7140202	520		C00	D01	A00	C20
6.	Quản lý giáo dục	7140114	30	30	C00	D01	A00	A01
7.	Sư phạm Địa lý	7140219	33		C00	C04	C20	D15
8.	Sư phạm Hóa học	7140212	200	60	A00	A01	B00	D07
9.	Sư phạm Lịch sử	7140218	22		C00	C19	C20	D14
10.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	110		C00	D01	D15	C20
11.	Sư phạm Sinh học	7140213	12	10	A02	B00	B02	B08
12.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	215		D01	D14	D15	D66
13.	Sư phạm Tiếng Anh (lớp tài năng)	7140231C	35		D01	D14	D15	D66
14.	Sư phạm Tin học	7140210	21	12	A00	A01	B00	D07
15.	Sư phạm Toán học	7140209	130		A00	A01	B00	D01
16.	Sư phạm Toán học chất lượng cao	7140209C	35		A00	A01	B00	D01
17.	Sư phạm Vật lý	7140211	15	12	A00	A01	B00	D07
18.	Kế toán	7340301	400	200	A00	A01	D01	D07
19.	Luật	7380101	100	55	C00	D01	A00	A01
20.	Luật kinh tế	7380107	80	41	C00	D01	A00	A01
21.	Quản trị kinh doanh	7340101	300	100	A00	A01	D01	D07
22.	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	7340101C	25	10	A00	A01	D01	D07
23.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	100	54	A00	A01	D01	D07
24.	Thương mại điện tử	7340122	30	25	A00	A01	D01	D07
25.	Công nghệ sinh học	7420201	20	20	B00	B02	B04	B08
26.	Khoa học dữ liệu và thống kê	7460202	20	20	A00	A01	B00	D01
27.	Chăn nuôi	7620105	20	18	A00	B00	D01	B08
28.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	60	50	A00	B00	D01	A01
29.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	30	25	A00	B00	D01	A01
30.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	60	50	A00	B00	D01	A01
31.	Công nghệ thông tin	7480201	200	65	A00	A01	D01	D07
32.	Công nghệ thông tin chất lượng cao	7480201C	25	10	A00	A01	D01	D07
33.	Công nghệ thực phẩm	7540101	40	25	A00	B00	A01	D07
34.	Khoa học máy tính	7480101	50	50	A00	A01	D01	D07
35.	Kinh tế xây dựng	7580301	24	20	A00	B00	D01	A01
36.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	30	30	A00	B00	D01	A01
37.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	60	60	A00	B00	D01	A01

38.	Kỹ thuật phần mềm	7480103	50	50	A00	A01	D01	D07
39.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	150	100	A00	B00	D01	A01
40.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	30	20	A00	B00	D01	A01
41.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	18	15	A00	B00	D01	A01
42.	Nông học	7620109	30	25	A00	B00	D01	B08
43.	Nuôi trồng thủy sản	7620301	60	50	A00	B00	D01	B08
44.	Điều dưỡng	7720301	60	50	B00	B08	D07	D13
45.	Báo chí	7320101	45	30	C00	D01	A00	A01
46.	Chính trị học	7310201	25	20	C00	D01	C19	A01
47.	Công tác xã hội	7760101	30	20	C00	D01	A00	A01
48.	Du lịch	7810101	150	100	C00	D01	A00	A01
49.	Kinh tế	7310101	60	50	A00	A01	D01	B00
50.	Ngôn ngữ Anh	7220201	200	100	D01	D14	D15	D66
51.	Quản lý đất đai	7850103	15	10	A00	B00	D01	B08
52.	Quản lý nhà nước	7310205	15	10	C00	D01	A00	A01
53.	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	25	20	A00	B00	D01	B08
54.	Quản lý văn hóa	7229042	15	10	C00	D01	A00	A01
55.	Việt Nam học	7310630	60	40	C00	D01	A00	A01
	Tổng		4311	1809				

Các tổ hợp xét tuyển:

- **Tổ hợp nhóm A:** A00: Toán, Vật lý, Hoá học; A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học.

- **Tổ hợp nhóm B:** B00: Toán, Hoá học, Sinh học; B02: Toán, Sinh học, Địa lý; B04: Toán, Sinh học, Giáo dục công dân; B08: Toán, Sinh học, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm C:** C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý; C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân; C20: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân.

- **Tổ hợp nhóm D:** D01: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh; D07: Toán, Hoá học, tiếng Anh; D13: Ngữ văn, Sinh học, tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh; D66: Ngữ văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm M:** M00: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu mầm non; M01: Toán, tiếng Anh, Năng khiếu mầm non; M10: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu mầm non; M13: Toán, Sinh học, Năng khiếu mầm non.

- **Tổ hợp nhóm T:** T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T01: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu GDTC; T02: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu GDTC.

1.4.2. Các ngành đào tạo đại học chất lượng cao

Các ngành đào tạo đại học chất lượng cao thu học phí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường áp dụng mức học phí và lộ trình tăng học phí cho từng năm theo quy định của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Các ngành sư phạm Toán học, Sư phạm Tiếng Anh lớp tài năng không thu học phí.

Sau khi trúng tuyển và nhập học các ngành thuộc hệ đại trà, các thí sinh đăng kí xét tuyển lớp chất lượng cao. Nhà trường tổ chức xét tuyển vào lớp chất lượng cao dựa vào nguyện vọng, năng lực của thí sinh.

1.4.3. Các ngành đào tạo, số quyết định và năm bắt đầu đào tạo

Tất cả các ngành đào tạo của trường Đại học Vinh được cấp có thẩm quyền cấp Quyết định cho phép tuyển sinh (*Chi tiết được trình bày ở phụ lục 6*).

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển

a) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT:

- Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 12 đạt tối thiểu 18 điểm (chưa cộng điểm ưu tiên).

- Ngành Ngôn ngữ Anh, ngoài tiêu chí về tổng điểm đạt tối thiểu 18 điểm, thí sinh cần phải đạt điểm tổng kết môn tiếng Anh của năm lớp 12 đạt 6.5 điểm trở lên.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại mục 1.4.1 tối thiểu là 8,0 trở lên; học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại mục 1.4.1 tối thiểu là 6,5 trở lên.

b) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT kết hợp thi năng khiếu đối với ngành GDTC:

Kết quả thi năng khiếu và 2 môn tổ hợp xét tuyển tại mục 1.4.1 đạt điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT (2 môn tổ hợp xét tuyển của lớp 12) tối thiểu là 6,5 trở lên. Nếu đối tượng dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên;

c) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và năm 2020 về trước.

- Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Vinh sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT của các thí sinh. Kết quả cụ thể sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn>.

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên, sức khỏe: Căn cứ kết quả của Kỳ thi THPT 2021, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên, ngoài kết quả kỳ thi THPT và xét tuyển sử dụng kết quả học tập, thí sinh phải có hạnh kiểm của năm học lớp 12 THPT đạt từ loại Khá trở lên.

d) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và năm 2020 về trước kết hợp thi tuyển năng khiếu đối với ngành GDTC và ngành GDMN: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

e) Phương thức tuyển thẳng: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định chi tiết tại mục 1.8.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ trong xét tuyển...

- Mã trường: TDV

- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển: như mục 1.4.1

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại mục 1.8 và sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2021 của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội: 1-10% chỉ tiêu

- Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi/môn thi của kỳ thi THPT năm 2021 và của kết quả bài thi/môn thi Kỳ thi THPT năm 2020 trở về trước: 55% - 60% chỉ tiêu.

- Xét tuyển kết quả học tập THPT: 35% - 40% chỉ tiêu

- Các ngành đào tạo giáo viên không tuyển thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo

1.7.1. Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT đợt 1 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.

1.7.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Sử dụng kết quả của kỳ thi THPT thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp các môn thi, bài thi của từng ngành; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

- Sử dụng kết quả học tập THPT thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp tổ hợp các môn học; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại mục 1.8 và sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2021 của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

Ghi chú: Ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2; Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2.

1.7.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu, gồm 2 ngành:

Giáo dục Mầm non - Mã ngành: 7140201

Giáo dục Thể chất - Mã ngành: 7140206

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

+ Sử dụng kết quả thi THPT của tổ hợp xét tuyển tại mục 1.4.1.

+ Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh.

+ Điểm môn năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm: *Hát; Đọc - kể diễn cảm*).

- Đối với ngành Giáo dục Thể chất:

+ Sử dụng kết quả thi THPT và môn thi năng khiếu theo tổ hợp xét tuyển tại mục 1.4.1.

+ Sử dụng kết quả học tập bậc THPT và môn thi năng khiếu theo tổ hợp xét tuyển tại mục 1.4.1.

+ Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu Giáo dục Thể chất của Trường Đại học Vinh.

+ Ngành Giáo dục thể chất chỉ tuyển những thí sinh có thể hình cân đối: Nam cao 1,65m, nặng 45 kg trở lên; Nữ cao 1,55m, nặng 40 kg trở lên.

+ Điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm các nội dung: *Bật xa tại chỗ, chạy luân cộc 30m (chạy zigzag) và chạy 100m*).

- Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ thi năng khiếu:

+ Thí sinh sử dụng mẫu Hồ sơ thi năng khiếu tại website: <http://www.vinhuni.edu.vn>

+ Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trường

+ Thời gian nộp Hồ sơ thi năng khiếu từ ngày 15/5/2021 đến ngày 30/6/2021 (theo lịch Bộ GD&ĐT)

+ Địa chỉ: Phòng Đào tạo, Tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh; Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.898 8989

- Thời gian thi năng khiếu: Dự kiến tổ chức thi vào ngày 13 và 14/7/2021.

1.7.4. Xét tuyển

- Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống quản lý thi THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo lịch chung của Bộ.

+ Thời gian đăng ký xét tuyển: Theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT

+ **Cách 1:** Đăng ký trực tuyến tại Cổng tuyển sinh của Trường Đại học Vinh tại địa chỉ: <http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/>

+ **Cách 2:** Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện bằng chuyển phát nhanh về (Phòng Đào tạo – Trường Đại học Vinh, Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, điện thoại: 0238.898 8989).

+ Hồ sơ gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển (có mẫu kèm theo); Bảng tốt nghiệp THPT, Học bạ (bản sao có công chứng); 02 ảnh cỡ 4 x 6cm (mặt sau có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh), 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại liên hệ.

+ Thời gian (dự kiến): từ ngày 10/6/2021 đến 17h00 ngày 20/7/2021

+ Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*thu lệ phí xét tuyển khi làm thủ tục nhập học*).

- **Nguyên tắc xét tuyển:** Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn xét tuyển đối với các tổ hợp môn thi, bài thi của khối ngành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (*kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có*) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng và giữa hai khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách: Gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại trường.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

Trường Đại học Vinh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy, thứ tự xem xét ưu tiên như sau:

1.8.1. Các đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đào tạo của Trường Đại học Vinh

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

2. Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở 8 lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

3. Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

4. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất của Nhà trường. Những thí sinh

đoạt giải các ngành TDTT thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

5. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

6. Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

7. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Vinh: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

8. Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

9. Thí sinh là học sinh của các trường THPT chuyên trên cả nước, đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của Trường Đại học Vinh và đáp ứng một trong các điều kiện sau: có học lực 3 năm THPT xếp loại giỏi; đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải Nhất, Nhì hoặc Ba trong các kì thi HSG cấp Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương.

10. Thí sinh đoạt các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất.

1.8.2. Các đối tượng đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào các ngành ngoài sư phạm theo Quy định của Trường Đại học Vinh

1. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả tiếng Anh quốc tế với mức điểm IELTS 5.5, TOEFL iBT 55, TOEIC 550, Cambridge PET trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp và đáp ứng các tiêu chí sau:

- Khối ngành khoa học tự nhiên điểm tổng kết lớp 12 môn toán đạt từ 7.0 điểm trở lên;

- Khối ngành khoa học xã hội điểm tổng kết lớp 12 môn ngữ văn đạt từ 7.0 điểm trở lên;

2. Thí sinh là học sinh các lớp chuyên thuộc 80 trường THPT chuyên, năng khiếu trên toàn quốc.

3. Thí sinh là học sinh các trường THPT đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì và Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh và Thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thí sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi lớp 12 và có hạnh kiểm tốt 3 năm THPT;

- Thí sinh là học sinh lớp chất lượng cao thuộc trường THPT chuyên – Trường Đại học Vinh có hạnh kiểm tốt và học lực khá 3 năm học THPT.

1.8.3. Danh sách tổ hợp xét tuyển của Trường Đại học Vinh học sinh đăng ký tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo môn đạt giải học sinh giỏi.

TT	Môn đạt giải	Ngành đăng ký xét tuyển Theo Tổ hợp môn được xét tuyển	Ghi chú
1.	Toán, Tin học	A00*, A01, A02, B00, D01	
2.	Vật lý	A00*, A01, B00, D01, D07	
3.	Hóa học	A00*, A01, B00, D01, D07	
4.	Sinh học	B00*, A02, B02, B08, D01	
5.	Ngữ văn	C00*, D01, D15, C20	
6.	Lịch sử	C00*, C19, C20, D14, D01	
7.	Địa lý	C00*, C04, D20, D15, D01	
8.	Tiếng Anh	D01*, D14, D15, D66	

Ghi chú: Những tổ hợp môn có đánh dấu () là xét tuyển vào đúng ngành; các tổ hợp còn lại là ngành gần.*

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển nộp theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lệ phí thi tuyển năng khiếu ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất và xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT thí sinh nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo hoặc chuyển khoản về trường:

- Tên tài khoản: Trường Đại học Vinh

- Số tài khoản: 3713.0.1055499, tại Kho bạc Nhà nước Nghệ An.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Thực hiện theo định mức và lộ trình quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2021 – 2022; Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Học phí trung bình áp dụng cho năm học 2021 - 2022: 12.900.000 đồng/sinh viên.

1.11. Các nội dung khác

1.11.1. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2021.

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại
1	Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	0916.435.868
2	Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0913.550.221
3	Lê Khắc Phong	Chuyên viên Phòng Đào tạo	0904.826.959
4	Hoàng Hà Nam	Trưởng Bộ phận Truyền thông	0975.153.513
5	Nguyễn Thị Hà Giang	Phó Bí thư Đoàn trường	0935.991.989
6	Dương Trung Nguyễn	Trung tâm THPT	0916.177.337
7	Kiều Khánh Linh	Chủ tịch Hội Sinh viên	0904.725.836

1.11.2. Học bổng

a) Học bổng khuyến khích học tập

Mức học bổng thấp nhất bằng mức trần học phí của khối ngành đó, mức học bổng khuyến khích học tập loại Giỏi tăng thêm 10% so với mức học bổng loại Khá, mức học bổng loại Xuất sắc tăng thêm 15% so với mức học bổng loại Giỏi (*lấy tròn số*).

b) Học bổng tuyển sinh:

- Căn cứ vào kết quả thi THPT, cụ thể: Đạt từ 26.0 điểm trở lên theo tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên, không tính điểm làm tròn, không tính điểm nhân hệ số); hạnh kiểm lớp 12 đạt loại Tốt.

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng theo chính sách ưu tiên của nhà nước và của Trường Đại học Vinh được cấp học bổng tuyển sinh

c) Học bổng tài trợ, trợ cấp đột xuất, nhiều đợt/1 năm

d) Khen thưởng thí sinh đạt điểm cao vào trường đại học Vinh; sinh viên đạt kết quả học lực từ loại giỏi và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên theo năm học; Khen thưởng cuối khóa học đạt kết quả học lực từ loại giỏi và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên theo khóa học; sinh viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tham gia tình nguyện.

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin, Du lịch

1.12.1. Công nghệ thông tin:

- Có 2 chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo chuẩn và chương trình đào tạo chất lượng cao (theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT). Chương trình đào tạo chuẩn gồm 3 ngành: Ngành Công nghệ thông tin, Ngành Kỹ thuật phần mềm và Ngành Khoa

học máy tính. Chương trình đào tạo chất lượng cao có trên 30% học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh;

- Sinh viên ngành Công nghệ thông tin được sử dụng trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu chuyên sâu;

- Sinh viên được thực hành, thực tập tại các công ty có hợp tác với Nhà trường như VNPT Nghệ An, FPT Software Đà Nẵng, GoStream, v.v. Các công ty cam kết:

- + Hỗ trợ sinh viên kinh phí thực tập tại công ty;
- + Được thực tập trong môi trường chuyên nghiệp;
- + Được ưu tiên tuyển dụng sau khi tốt nghiệp;

1.12.2. Du lịch:

- Chương trình đào tạo chuẩn, luôn cập nhật chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nguồn nhân lực Du lịch theo nhu cầu xã hội; Sinh viên ngành Du lịch được sử dụng trang thiết bị hiện đại của Nhà trường, ngoài ra, còn có Trung tâm thực hành du lịch để rèn luyện kỹ năng nghề;

- Trong thời gian học sinh viên được đi thực tế tuyển điểm phía Bắc, phía Nam và thực hành kỹ năng, thực tập tại các công ty có hợp tác với Nhà trường (Bà Nà Hill, Các khách sạn của Tập đoàn Mường Thanh, Các công ty lữ hành trên địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh..., và các công ty cam kết hỗ trợ sinh viên: Hỗ trợ sinh viên kinh phí thực tập tại các tổ chức/doanh nghiệp du lịch; Được thực tập trong môi trường chuyên nghiệp và ưu tiên tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Tình hình việc làm năm 2020								
Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	810	0	1126	0	817	0	89.2%	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	1.120	0	870	0	1042	0	81.3%	0
Khối ngành IV	50	0	0	0	79	0	80.0%	0
Khối ngành V	1.480	0	774	0	591	0	84.5%	0
Khối ngành VI	130	0	90	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	910	0	620	0	357	0	80.0%	0
Tổng	4.500	0	3.480	0	2.886	0		

Tình hình việc làm năm 2019								
Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP

Khối ngành I	700	0	716	0	725	0	96.7%	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	1.120	0	732	0	1.257	0	94.8%	0
Khối ngành IV	50	0	0	0	15	0	87.2%	0
Khối ngành V	1.590	0	621	0	708	0	95.3%	0
Khối ngành VI	130	0	90	0	0	0	0	0
Khối ngành VII	910	0	459	0	661	0	95.3%	0
Tổng	4.500	0	2.618	0	3.366	0		

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 262 tỷ đồng.

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh (năm 2020): 19.600.000 đồng.

(Ghi chú: Chi phí trên chưa bao gồm chi phí đầu tư, khấu hao tài sản cố định).

2. Tuyển sinh cấp bằng đại học thứ 2 chính quy

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp một bằng đại học.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển và xét tuyển.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021: 500 chỉ tiêu

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kế toán	7340301	100
2	Luật	7380101	100
3	Quản trị kinh doanh	7340101	50
4	Kỹ thuật xây dựng	7580201	50
5	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	50
6	Tài chính ngân hàng	7340201	50
7	Giáo dục mầm non	7140201	50
8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	50
	Tổng		500

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Thí sinh đã tốt nghiệp 01 bằng đại học, có đủ sức khỏe và không trong thời gian can án.

2.6. Tổ chức tuyển sinh: Tuyển sinh liên tục trong năm. Hồ sơ nhận trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện.

2.6.1. Tuyển sinh ngành sư phạm

a) Đối tượng: Những người đã tốt nghiệp một ngành đào tạo sư phạm (nhóm ngành đào tạo giáo viên)

b) Thi tuyển: Thi 2 môn cơ sở ngành do Hiệu trưởng quy định.

c) Miễn thi: Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ chính quy trong cùng nhóm ngành và tại chính Trường Đại học Vinh.

2.6.2. Tuyển sinh các ngành ngoài sư phạm

a) Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp một bằng đại học.

b) Thi tuyển: Thi 2 môn cơ sở ngành do hiệu trưởng quy định.

c) Miễn thi: Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ chính quy trong cùng nhóm ngành và tại chính Trường Đại học Vinh.

2.7. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

2.8. Học phí dự kiến với sinh viên, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

2.9. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Tháng 6, 10, 12 năm 2021

3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tham gia tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học được thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tính đến thời điểm xét tuyển, cần có một trong những loại văn bằng sau:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp nghề (*sau đây gọi chung là đối tượng trung học phổ thông*). Người tốt nghiệp trung cấp nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, theo hướng chuyên môn phù hợp (đào tạo liên thông);

- Đã tốt nghiệp Đại học (đào tạo văn bằng 2) gồm 08 ngành đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép;

- Đã tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, theo hướng chuyên môn phù hợp hoặc theo hướng chuyên môn khác (đào tạo liên thông chính quy).

Ngoài điều kiện về văn bằng ở trên, người học cần có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật; nếu là cán bộ, công chức hoặc là cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cần có sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cho đi học.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

Các tỉnh/thành có nhu cầu đào tạo và được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT, ngày 15/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học.

3.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo hồ sơ.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh vừa làm vừa học: Bằng 1/3 chỉ tiêu tuyển sinh chính quy; chỉ tiêu liên thông cao đẳng lên đại học chính quy nằm trong chỉ tiêu đại học chính quy.

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường đối với sinh viên chính quy.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Đề án tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa hằng năm của Trường Đại học Vinh được đăng tải trên website của nhà trường.

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

3.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

3.10. Học phí: Thực hiện theo định mức và lộ trình quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2021 - 2022.

3.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Tháng 9, 11, 12 năm 2021

4. Tuyển sinh đào tạo từ xa trình độ đại học

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tham gia tuyển sinh vừa làm vừa học được thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tính đến thời điểm xét tuyển, cần có một trong những loại văn bằng sau:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề (sau đây gọi chung là đối tượng THPT). Người tốt nghiệp trung cấp nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã tốt nghiệp đại học (đào tạo văn bằng 2) gồm 7 ngành đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép;

- Đã tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, theo hướng chuyên môn phù hợp hoặc theo hướng chuyên môn khác (đào tạo liên thông).

Ngoài điều kiện về văn bằng ở trên, người học cần có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật; nếu là cán bộ, công chức hoặc là cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cần có sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cho đi học.

4.2. Phạm vi tuyển sinh

Các tỉnh/thành có nhu cầu đào tạo và theo Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo từ xa trình độ đại học.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo hồ sơ

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo ngành, theo hình thức tuyển sinh.

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường đối với sinh viên chính quy.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Đề án tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa hằng năm của Trường Đại học Vinh được đăng tải trên website của nhà trường.

4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thí tuyển; các điều kiện xét tuyển/thí tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

4.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

4.9. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

4.10. Học phí dự kiến với sinh viên đào tạo từ xa: Thực hiện theo định mức và lộ trình quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2021 - 2022.

4.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

4.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Tháng 9, 11, 12 năm 2021

Trên đây là Đề án tuyển sinh đại học các hệ đại học năm 2021 của Trường Đại học Vinh, Nhà trường cam kết tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh và dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh; Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát; Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2021, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (b/c);
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Huy Bằng
GS.TS. Nguyễn Huy Bằng